

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/11/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Hà

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Quách Văn L; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Chị Quách Thị N; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Quách Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất đồng. Thêm vào đó, do điều kiện công việc vợ chồng thường xuyên phải xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Hiện tại anh và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau

nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Văn T, sinh ngày 21/9/2012. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2021, chị Quách Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất đồng. Thêm vào đó, do điều kiện công việc vợ chồng thường xuyên phải xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Hiện tại chị và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Văn T, sinh ngày 21/9/2012. Ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm; Về hôn nhân: Xử cho anh Quách Văn L và chị Quách Thị N được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Quách Văn T, sinh ngày 21/9/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự,

nhưng chị N xin vắng mặt nên Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị N và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh L và chị N đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh L và chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh L và chị N.

[5]. Về hôn nhân: Anh Quách Văn L và chị Quách Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất đồng. Mặt khác, do điều kiện công việc nên vợ chồng thường xuyên phải xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Hiện tại anh L và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh L và chị N đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh L và chị N đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Quách Văn L và chị Quách Thị N được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung. Ly hôn, anh L và chị N đều yêu cầu giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu T luôn ở với bố, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh L và chị N.

[7]. Về tài sản: Anh L và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Quách Văn L và chị Quách Thị N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Văn T, sinh ngày 21/9/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Quách Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền anh L đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Thạch Thành theo biên lai số: AA/2021/0007412, ngày 15/10/2021, anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Quách Văn L và chị Quách Thị N. Anh L và chị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**